

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định
về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định
thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1350/TTr-
STNMT ngày 27/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ và
tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này thay thế các Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày
28/9/2010 về việc ban hành mức hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh
hoạt của hộ gia đình, cá nhân, các loại đất và cây cối hoa màu bị hạn chế sử dụng khi
xây dựng các công trình lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Quyết định số
05^A/2011/QĐ-UBND ngày 25/4/2011 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ
trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Ủy ban nhân
dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban
ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ đầu tư các dự án và các tổ
chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Phạm Thế Dũng

QUY ĐỊNH

**Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

(Kèm theo Quyết định số: 21 /2014 /QĐ-UBND ngày 12 /9 /2014 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định cụ thể một số điều về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích Quốc phòng, an ninh, lợi ích Quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế quy định tại Điều 16 của Luật Đất đai năm 2013 và quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.
2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT

Điều 3. Quy định chi tiết điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP đối với trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức khảo sát, xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại (các khoản chi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP) phù hợp thực tế, có vận dụng một số nội dung, cách tính tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 4. Quy định cụ thể khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Trường hợp trong hộ gia đình mà trong hộ có nhiều thế hệ; nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì được giao một (01) lô đất ở theo giá thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư hoặc mua nhà ở tái định cư theo giá bán nhà tái định cư cho chủ sử dụng đất hoặc người đại diện. Những hộ còn lại thì mỗi hộ được giao một (01) lô đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc được mua nhà ở tái định cư tại khu quy hoạch tái định cư hoặc khu quy hoạch dân cư khác trên địa bàn cấp

huyện. Giá đất giao đất ở, giá bán nhà ở khu tái định cư theo Quyết định của UBND tỉnh.

Việc xác định đối tượng và nghĩa vụ tài chính theo điều này thể hiện trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 5. Quy định cụ thể khoản 3 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Diện tích đất thu hồi được bồi thường bằng tiền cho thời gian sử dụng đất còn lại. Giá đất để tính bồi thường được xác định theo phương pháp tính để xác định giá khi nhà Nước cho thuê đất.

Trường hợp chủ sử dụng đất thuê có nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp và khu vực tái định cư có quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp sẽ bố trí thuê đất với điều kiện như sau:

- Trường hợp không nhận tiền bồi thường về đất sẽ thuê đất không trả tiền sử dụng đất trong thời gian còn lại.

- Trường hợp nhận tiền bồi thường về đất sẽ trả tiền thuê đất. Đơn giá thuê đất theo Quyết định của UBND tỉnh.

Điều 6. Quy định cụ thể khoản 5 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Trường hợp hộ gia đình cá nhân sử dụng đất không có chỗ ở nào khác trên địa bàn các phường thuộc thị xã, thành phố hoặc trên địa bàn cấp xã nơi có dự án thì được Nhà nước giao đất ở mới hoặc bán nhà ở tái định cư. Giá bán nhà ở tái định cư, giá đất ở theo Quyết định của UBND tỉnh.

Chương III

BỒI THƯỜNG VỀ TÀI SẢN

Điều 7. Quy định cụ thể khoản 1, khoản 3 Điều 9 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

1. Tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình quy định như sau:

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại $>90\%$ thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 0%.

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại $>60\%$ và $\leq 90\%$ thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 10%.

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại $>30\%$ và $\leq 60\%$ thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 20%.

- Đối với nhà, công trình có tỷ lệ % còn lại $\leq 30\%$ thì tỷ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 30%.

2. Đối với nhà, công trình bị phá dỡ một phần (ranh giới giải tỏa cắt sàn và đà ở khoảng giữa hai cột chịu lực) thì được tính bồi thường thêm phần vật kiến trúc từ ranh giới giải tỏa vào đến cột chịu lực gần nhất của nhà, công trình kiến trúc. Ngoài ra, còn được hỗ trợ một phần kinh phí để sửa chữa, cải tạo cho phù hợp với công năng sử dụng và phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ. Mức hỗ trợ được tính trên cơ sở hồ sơ thiết kế và dự toán do đơn vị tư vấn lập và được cơ quan Nhà nước thẩm định.

3. Đối với nhà, công trình không có trong bảng đơn giá do UBND tỉnh ban hành tại thời điểm trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì Tổ chức

làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có trách nhiệm, xây dựng đơn giá gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Đối với nhà ở, công trình có chi phí xây dựng lớn hơn đơn giá do tỉnh ban hành do mặt bằng xây dựng hoặc nguyên nhân khác thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng thuê đơn vị tư vấn đo vẽ hiện trạng, xác định giá trị thực tế xây dựng tại thời điểm bồi thường gửi Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại đối với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất (khoản 2 Điều 10 Nghị định 47/2014/NĐ-CP và các Điều 18, 19, 23 Nghị định 14/2014/NĐ-CP).

1. Căn cứ để xem xét bồi thường thiệt hại:

- Văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định việc ảnh hưởng;
- Bản vẽ xác định phạm vi đất ảnh hưởng, có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về biến động sử dụng đất, sử dụng tài sản.

2. Bồi thường thiệt hại về đất và tài sản thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP (áp dụng đối với cấp điện áp đến 220 kV).

a) Bồi thường thiệt hại về đất (chỉ thực hiện một lần):

a.1. Diện tích đất ở, các loại đất khác có đủ điều kiện được bồi thường trong cùng thửa với đất ở và đất phi nông nghiệp không phải đất ở trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất mà không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng bị hạn chế khả năng sử dụng, thì chủ sử dụng đất được bồi thường thiệt hại về đất bằng 80% đơn giá bồi thường về đất cùng loại.

a.2. Trường hợp sử dụng đất không đủ điều kiện theo tiết a.1. điểm a khoản 2 điều này thì được bồi thường thiệt hại bằng 30% đơn giá bồi thường về đất cùng loại.

a.3. Trên cùng một thửa đất, bao gồm đất ở và các loại đất khác của một chủ sử dụng đất, khi bị hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không chiếm dụng khoảng không lớn hơn hạn mức đất ở thì phần diện tích các loại đất khác trên cùng thửa đất trong hành lang cũng được bồi thường, hỗ trợ. Mức bồi thường, hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường thu hồi các loại đất khác đó tính trên diện tích các loại đất khác nằm trong hành lang.

a.4. Diện tích đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không được hỗ trợ một lần về đất bằng 30% đơn giá bồi thường về đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất.

b. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình:

b.1. Diện tích nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất, trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được bồi thường thiệt hại bằng 70% đơn giá xây dựng mới do UBND tỉnh ban hành.

b.2. Diện tích nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng thực tế đã xây dựng trước ngày 01/7/2004, được UBND cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì được hỗ trợ bằng 40% đơn giá xây dựng mới đối với nhà, công trình xây dựng trước 15/10/1993 và bằng 25% đơn giá xây dựng mới đối với nhà, công trình xây dựng từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004.

c) Bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn khi xây dựng đường dây dẫn điện trên không (chỉ thực hiện một lần):

c.1. Cây trồng có trước khi thông báo thu hồi đất thực hiện dự án và trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, nếu phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định tại khoản 3, Điều 12 Nghị định 14/2014/NĐ-CP thì được bồi thường.

c.2. Cây trồng có trước khi thông báo thu hồi đất thực hiện dự án và trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thuộc loại không phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định tại khoản 3, Điều 12 Nghị định 14/2014/NĐ-CP hoặc cây ngoài hành lang có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định 14/2014/NĐ-CP thì đơn vị quản lý vận hành có quyền kiểm tra, chặt tỉa cây để đảm bảo an toàn cho đường dây dẫn điện trên không và được hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường đối với cây cùng loại.

3. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư căn cứ thực tế từng công trình, dự án phối hợp UBND cấp huyện nơi có dự án thu hồi đất, lập phương án xác định mức bồi thường thiệt hại gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ngành có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 9. Quy định cụ thể khoản 1 Điều 14 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do Tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Mức bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng nơi có dự án thu hồi đất lập, đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 10. Quy định cụ thể khoản 2 Điều 15 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Việc phân chia tiền bồi thường về đất cho các đối tượng đồng quyền sử dụng thực hiện như sau:

- Các đối tượng đồng quyền sử dụng lập văn bản thỏa thuận phân chia tiền bồi thường về đất có chứng thực của UBND cấp xã hoặc công chứng của Tổ chức hành nghề công chứng.

- Trường hợp không thỏa thuận được số tiền bồi thường sẽ chuyển vào kho bạc Nhà nước. Khi có thỏa thuận phân chia hoặc Tòa án có quyết định giải quyết thì trả theo thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án.

Điều 11. Quy định cụ thể Điều 18 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Mức giá bồi thường theo bảng giá xây dựng nhà, công trình xây dựng mới; bảng giá vật kiến trúc trên đất do UBND tỉnh ban hành.

Đối với mô mã vắng chủ hoặc vô chủ đã quá thời hạn thông báo di chuyển mộ thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hợp đồng với đơn vị phục vụ mai táng của địa phương tổ chức di chuyển, cải táng theo chi phí dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

Điều 12. Quy định cụ thể Điều 91 Luật Đất đai năm 2013.

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng nơi có dự án thu hồi đất lập dự toán chi phí đưa vào phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

CHƯƠNG IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 13. Quy định cụ thể khoản 7 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

1. Hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

a) Thu hồi từ 10% đến dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ 03 tháng.

b) Thu hồi từ 30% đến 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở, hỗ trợ 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp di chuyển đến địa bàn kinh tế xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

c) Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở, hỗ trợ 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp di chuyển đến địa bàn kinh tế xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

d) Mức hỗ trợ cho 01 nhân khẩu quy định tại điểm a, b, c khoản này được tính bằng tiền tương đương 30kg gạo/01 tháng theo giá gạo trung bình tại thời điểm hỗ trợ do cơ quan Tài chính cấp huyện nơi có dự án thu hồi đất cung cấp.

đ) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi trên địa bàn từ 02 huyện trở lên trong cùng 01 dự án có tổng mức hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng hỗ trợ ổn định đời sống của huyện có tổng mức hỗ trợ cao nhất.

2. Hỗ trợ ổn định sản xuất:

- Việc hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP được tính bằng tiền, mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha.

3. Hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc:

Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được

hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc, thời gian trợ cấp 03 tháng, mức trợ cấp bằng 01 tháng lương tối thiểu/tháng.

4. Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 70% theo khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Quy định này.

5. Hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, hỗ trợ bằng tiền nhận 01 lần. Mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

6. Việc chi trả tiền hỗ trợ thực hiện theo Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 14. Quy định cụ thể điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Mức hỗ trợ bằng tiền được quy định như sau:

- Thành phố Pleiku: mức hỗ trợ 3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại.
- Các huyện, thị xã còn lại: mức hỗ trợ 2,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại.

Điều 15. Quy định cụ thể khoản 3 Điều 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

1. Nhân khẩu trong độ tuổi lao động hiện có trong sổ hộ khẩu của hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi nếu không tham gia các chương trình đào tạo, chuyển đổi nghề được nhận hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/lao động.

2. Hỗ trợ tìm kiếm việc làm bằng 03 tháng lương tối thiểu tại thời điểm bị thu hồi đất cho 01 người trong độ tuổi lao động.

3. Kinh phí đào tạo nghề và hỗ trợ tìm kiếm việc làm được tính trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 16. Quy định cụ thể khoản 2 Điều 22 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư bằng 5% giá trị lô đất ở thu hồi. Giá đất xác định hỗ trợ theo quyết định của UBND tỉnh. Diện tích đất ở tính hỗ trợ theo diện tích đất thực tế thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở.

Điều 17. Quy định cụ thể Điều 24 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ bằng 100% giá trị theo loại đất có cùng vị trí, khu vực, loại đường và giá đất theo quyết định của UBND tỉnh.

Điều 18. Quy định cụ thể Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

1. Hỗ trợ tiền thuê nhà: Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới, hoặc phải di chuyển lùi, trong thời gian tạo lập chỗ ở mới được bố trí vào nhà tạm cư. Nếu không có nhà tạm cư để bố trí hoặc không ở nhà tạm cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở.

a. Mức hỗ trợ:

- Hộ có 04 nhân khẩu (theo sổ hộ khẩu kê cả đăng ký tạm trú) trở xuống, mức hỗ trợ là: 1.200.000 đồng/tháng.

- Hộ có trên 04 nhân khẩu thì mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ 300.000 đồng, nhưng không quá 3.000.000 đồng cho một hộ/tháng.

b. Thời gian hỗ trợ:

- Đối với hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển đến chỗ ở mới thì thời gian được tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng cho đến 04 tháng sau thời điểm nhận đất tái định cư.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển lùi được hỗ trợ tiền thuê nhà 04 tháng tính từ ngày bàn giao mặt bằng.

2. Bồi thường chi phí di chuyển đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở, kể cả gia đình, cá nhân đang hợp đồng thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước, nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản.

a. Di chuyển chỗ ở sang tỉnh khác được hỗ trợ 7.000.000 đồng.

b. Di chuyển chỗ ở trong phạm vi từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác thuộc tỉnh được hỗ trợ 5.000.000 đồng.

c. Di chuyển chỗ ở từ địa bàn cấp xã này sang địa bàn cấp xã khác thuộc cùng 01 huyện được hỗ trợ 4.000.000 đồng.

d. Di chuyển chỗ ở trong phạm vi nội bộ địa bàn cấp xã được hỗ trợ 3.000.000 đồng, hộ di chuyển về phần đất còn lại (di chuyển lùi) hỗ trợ 2.000.000 đồng.

3. Hỗ trợ cho gia đình có người đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với Cách mạng đang hưởng trợ cấp xã hội của Nhà nước (có xác nhận của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, hoặc có giấy tờ chứng minh) phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở khác được hỗ trợ một lần như sau:

a. Người hoạt động Cách mạng trước năm 1945, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lao động, thương binh, bệnh binh và người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động 81% trở lên, thân nhân liệt sĩ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng được trợ cấp 5.000.000 đồng/hộ.

b. Thương binh, người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học (đang hưởng chính sách ưu đãi hàng tháng), người được hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh bị mất sức lao động từ 61% đến dưới 81% được hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ.

c. Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (đang hưởng chính sách ưu đãi hàng tháng) bệnh binh bị mất sức lao động từ 41% đến dưới 61% được hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ.

d. Thân nhân liệt sĩ (quy định tại khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh người có công) người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học (đang hưởng chính sách ưu đãi hàng tháng) bệnh binh bị mất sức lao động từ 21% đến dưới 41% được hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ.

đ. Những hộ gia đình có người được hưởng trợ cấp xã hội khác của Nhà nước và các trường hợp đặc biệt hỗ trợ 1.500.000 đồng/hộ.

4. Đối với các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở, hiện đang sử dụng điện thắp sáng, điện thoại, nước sinh hoạt, truyền hình cáp, internet mà có hợp đồng mua bán ký kết với tổ chức kinh doanh cung ứng thì được hỗ trợ như sau: Lắp đặt đường dây và di chuyển công tơ điện 1.500.000 đồng/hộ, lắp đường ống và công tơ nước 1.500.000 đồng/hộ, lắp đường dây điện thoại 500.000 đồng/hộ, lắp đường dây truyền hình cáp 1.000.000 đồng/hộ, lắp đặt internet 200.000 đồng/hộ.

5. Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí quy định mà bị thu hồi đất thì ngoài các hỗ trợ theo quy định còn được hỗ trợ số tiền tương đương 30kg gạo/01 khẩu/01 tháng; Giá gạo là giá trung bình tại địa phương do cơ quan Tài chính huyện, thị xã, thành phố cung cấp. Thời gian hỗ trợ 36 tháng kể từ ngày hoàn thành việc thu hồi đất, gồm các đối tượng như sau:

a. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được UBND xã (phường, thị trấn) xác nhận khi bị thu hồi trên 10% tổng diện tích đất nông nghiệp hiện đang sử dụng.

b. Hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị thu hồi đất ở, nhà ở, mà phải di chuyển đến nơi ở mới.

c. Hộ gia đình cá nhân được hỗ trợ theo tiêu chí nghèo như điểm a, điểm b khoản 4 Điều này chỉ áp dụng 1 lần/1 dự án.

Điều 19. Quy định cụ thể khoản 2 Điều 4 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Hỗ trợ bằng tiền đối với phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 70% giá trị theo loại đất thu hồi. Giá đất tính tiền hỗ trợ do UBND tỉnh quyết định.

Chương V

CHÍNH SÁCH TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 20. Nguyên tắc bố trí tái định cư.

1. Đảm bảo nguyên tắc tương xứng về vị trí, trong bố trí tái định cư: Hộ gia đình, cá nhân có nhà đất mà Nhà nước thu hồi đất tại vị trí mặt đường có tên đường khi bố trí tái định cư ưu tiên vị trí thuận lợi ở khu tái định cư (các lô ở mặt đường loại 1 khu tái định cư) và những lô thuận lợi tương đương. Hộ gia đình, cá nhân có nhà đất bị giải tỏa ở vị trí đường hẻm thì bố trí tái định cư vào vị trí lô 2 trở lên (các lô ở mặt đường loại 2, loại 3.... của khu tái định cư). Nếu nhiều hộ có cùng tiêu chuẩn bố trí tái định cư như nhau thì việc bố trí phải tổ chức bốc thăm công khai.

2. Ưu tiên bố trí tái định cư: Những hộ gia đình, cá nhân gương mẫu đi trước, hộ gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số được ưu tiên bố trí tái định cư nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc tương xứng ở khoản 1 Điều này. Các hộ trong diện ưu tiên được phép lựa chọn lô đất tái định cư tương xứng theo tiêu chuẩn mà không phải bốc thăm. Nếu nhiều hộ có cùng tiêu chuẩn ưu tiên như nhau thì tổ chức bốc thăm công khai.

3. Những trường hợp đặc biệt đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 21. Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, bằng nhà ở tái định cư là 40m².

Giá trị suất tái định cư tối thiểu được xác định theo diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân với giá đất ở hoặc giá nhà ở cụ thể tại nơi bố trí tái định cư của hộ gia đình, cá nhân.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành.

1. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng, không điều chỉnh theo quy định Quyết định này.

2. Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hồi tố điều chỉnh theo quy định Quyết định này.

3. Các nội dung không có trong quy định này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hiện hành của Nhà nước. Những trường hợp phát sinh, vướng mắc thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi kiểm tra, xác định và đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.
